

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2023

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2023/HNGĐ-TLST ngày 08/6/2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2023/QĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị L**, sinh ngày 06/03/1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu A, thị trấn T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Nhật Bản.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Kh**, sinh ngày 06/5/1990.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu A, thị trấn T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Trung Quốc

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Ngô Ngọc H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Đội 2, thôn V, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Chị L, anh Kh, ông H có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền (có chứng thực của Tổng lãnh sự quán CHXHCN Việt Nam tại Ô-Sa-Ka- Nhật Bản) nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày: Chị và anh Kh tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 27/02/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, hai bên thiếu tôn trọng nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng đã được gia đình động viên, hòa giải nhưng không mang lại kết quả, chị và anh Kh sống ly thân đã lâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kh.

Về con chung: Chị và anh Kh có hai con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 30/8/2010 và Nguyễn Tiến M, sinh ngày 21/8/2015. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị nuôi cả hai con, thời gian chị đi nước ngoài chị đã gửi hai con cho ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không ở Việt Nam, chị tiếp tục ủy quyền cho bố đẻ là ông Ngô Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Việt A và cháu M.

Về tài sản chung: Chị và anh Kh tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Trong đơn ly hôn, chị L trình bày hiện nay anh Kh đang sinh sống ở thị trấn T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Qua xác minh tại gia đình, ông Nguyễn Văn K là bố đẻ anh Kh xác định anh Kh làm việc tại biên giới Việt – Trung từ năm 2017, từ khi đi anh Kh chưa về thăm gia đình. Trước đây anh Kh ít liên lạc với ông, từ khi biết chị L có đơn xin ly hôn anh Kh thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông K đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Kh biết. Thông qua gia đình cũng như tại buổi làm việc với Tòa án có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, anh Kh trực tiếp gọi điện thoại về và thể hiện quan điểm: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị L; Về con chung, anh xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Việt A và Nguyễn Tiến M, hiện các con đang ở cùng ông bà ngoại. Ly hôn anh đồng ý để chị L nuôi con, trong thời gian chị L không ở Việt Nam, anh đồng ý để ông Ngô Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Việt A và

cháu M. Về tài sản chung, nợ chung không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện anh sang Trung Quốc lao động theo con đường tiểu ngạch, giấy tờ tùy thân đã mất nên chưa biết khi nào về Việt Nam, anh Kh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Ngô Ngọc H có quan điểm: Ông là bố đẻ chị L, còn anh Kh là con rể ông. Chị L đi Nhật Bản lao động từ năm 2017, từ khi chị L đi nước ngoài cháu Việt A và cháu M ở với ông bà. Nay ông đồng ý nhận ủy quyền của chị L, ông tiếp tục chăm sóc cháu Việt A và cháu M trong thời gian chị L không ở Việt Nam. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Việt A và Nguyễn Tiến M là con chung của anh Kh, chị L có quan điểm khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, trong thời gian mẹ không ở Việt Nam cháu có nguyện vọng được ở với ông bà ngoại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh Kh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn anh Kh. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 30/8/2010 và Nguyễn Tiến M, sinh ngày 21/8/2015 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị L không ở Việt Nam, tạm giao cháu Việt A, cháu M cho ông Ngô Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn Kh đều có hộ khẩu thường trú tại: Khu A, thị trấn T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện tại Chị L đang lao động tại Nhật Bản, anh Kh đang lao động tại Trung Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tài liệu chị L gửi về gồm đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền đã có xác nhận của Tổng lãnh sự quán CHXHCN Việt Nam tại Ô-Sa-Ka- Nhật

Bản. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản chị L gửi về là đúng ý chí, nguyện vọng của chị L.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L cung cấp địa chỉ của anh Kh tại thị trấn T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên qua xác minh với gia đình anh Kh được biết, anh Kh hiện đang lao động tại Trung Quốc và thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của anh Kh nên không thể cung cấp cho Tòa án. Ông Nguyễn Văn K là bố đẻ của anh Kh đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Kh biết. Anh Kh mặc dù không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn, nhưng thông qua gia đình và thông qua việc nói chuyện trực tiếp với Tòa án qua điện thoại, anh Kh đã thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với chị L. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị L ủy quyền cho ông Ngô Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Việt A và cháu M trong thời gian chị không ở Việt Nam, nên Tòa án xác định ông Hiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Các đương sự đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 27/02/2010, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 6 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Năm 2017 chị L, anh Kh đều đi xuất khẩu lao động, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh Kh. Quá trình giải quyết vụ án, anh Kh cũng có quan điểm đồng ý ly hôn, nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh Kh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

- *Về quan hệ con chung*: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn Kh có hai con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 30/8/2010 và Nguyễn Tiến M, sinh ngày 21/8/2015. Hiện hai cháu đang ở với ông bà ngoại. Ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai con, anh Kh cũng đồng ý. Xét thấy, chị L và anh Kh đều ở nước ngoài, cháu Việt A và cháu M từ nhỏ ở cùng ông bà ngoại, cháu được chăm sóc, học tập tốt. Do đó, để ổn định cuộc sống của các cháu,

cần tiếp tục giao cháu Việt A, cháu M cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị L không ở Việt Nam, tạm giao cháu Việt A, cháu M cho ông Ngô Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Kh.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Việt A, sinh ngày 30/8/2010 và Nguyễn Tiến M, sinh ngày 21/8/2015 cho chị Ngô Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị L không ở Việt Nam, tạm giao cháu Việt A, cháu M cho ông Ngô Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Kh được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số AA/2022/0000804 ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị L, anh Nguyễn Văn Kh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Ngô Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THA tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn T;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền